

Số: 10/2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2024

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

ĐẾN	Số: 1400
	Ngày: 17/7/2024
	Chuyên: Toàn quốc
	Loại:

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI T.BRVN
CÔNG VĂN ĐẾN SỐ 1352
NGÀY 18 THÁNG 7 NĂM 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về tin dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chính sách tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ để cho vay đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 02 loại công trình, bao gồm:

- Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình.
- Công trình vệ sinh môi trường hộ gia đình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Handwritten notes and signatures in blue ink, including the name "Hồng" and some illegible scribbles.

2. Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình là công trình, thiết bị, dụng cụ khai thác, thu, trữ và xử lý nước của hộ gia đình.

3. Công trình vệ sinh môi trường hộ gia đình là công trình vệ sinh hộ gia đình, công trình thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình.

Điều 4. Đối tượng và điều kiện vay vốn

1. Đối tượng vay vốn: Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú (sau đây gọi là khách hàng).

2. Điều kiện vay vốn: Khách hàng cư trú tại địa phương thuộc vùng nông thôn chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hộ gia đình hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.

Điều 5. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 6. Mức vốn cho vay

1. Mức cho vay tối đa là 25 triệu đồng/01 loại công trình/khách hàng.

2. Khách hàng được vay vốn để đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 02 loại công trình nước và vệ sinh môi trường hộ gia đình nhưng tổng dư nợ mỗi loại công trình không vượt quá mức cho vay tối đa của mỗi loại công trình.

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với khách hàng nhưng tối đa là 05 năm (60 tháng).

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay 9,0%/năm.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay.

Điều 11. Nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động được ngân sách Nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý theo quy định.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay.

3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 12. Phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định về phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ vay vốn, trình tự và thủ tục cho vay, kỳ hạn trả nợ, mức trả nợ đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện.

2. Việc gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, cơ quan liên quan trong việc tổ chức, thực hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện Quyết định này; đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Hằng năm, xem xét bố trí vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay theo quy định của pháp luật;

b) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp ngân sách địa phương hằng năm ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay;

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận về đối tượng và điều kiện thụ hưởng chính sách quy định tại Điều 4 Quyết định này;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tuyên truyền chính sách; tổ chức, giám sát triển khai thực hiện Quyết định này.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội

a) Hướng dẫn các nội dung quy định tại Điều 13 Quyết định này;

b) Quản lý, huy động và sử dụng nguồn vốn vay; giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn, trả nợ của khách hàng đảm bảo vốn vay sử dụng đúng mục đích và hiệu quả theo quy định tại Quyết định này;

c) Phối hợp với các bộ, ngành, báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo Quyết định này;

d) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tuyên truyền chính sách, tổ chức, triển khai theo quy định tại Quyết định này.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều kiện chuyển tiếp

1. Khách hàng đã ký hợp đồng tín dụng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì các bên tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp khách hàng thuộc đối tượng, đủ điều kiện, có nhu cầu thì tiếp tục được vay vốn với mức vốn cho vay theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

2. Trường hợp khách hàng đã ký hợp đồng tín dụng, tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực không còn thuộc vùng nông thôn theo quy định tại Quyết định này thì tiếp tục thực hiện theo các cam kết, quyền hạn, trách nhiệm ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 9 năm 2024.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Quyết định số 18/2014/QĐ-TTg ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg.

3. Bãi bỏ Quyết định số 1205/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay tín dụng tối đa thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). M.Cường_{1/10}



Lê Minh Khái

